

## BẢN TIN

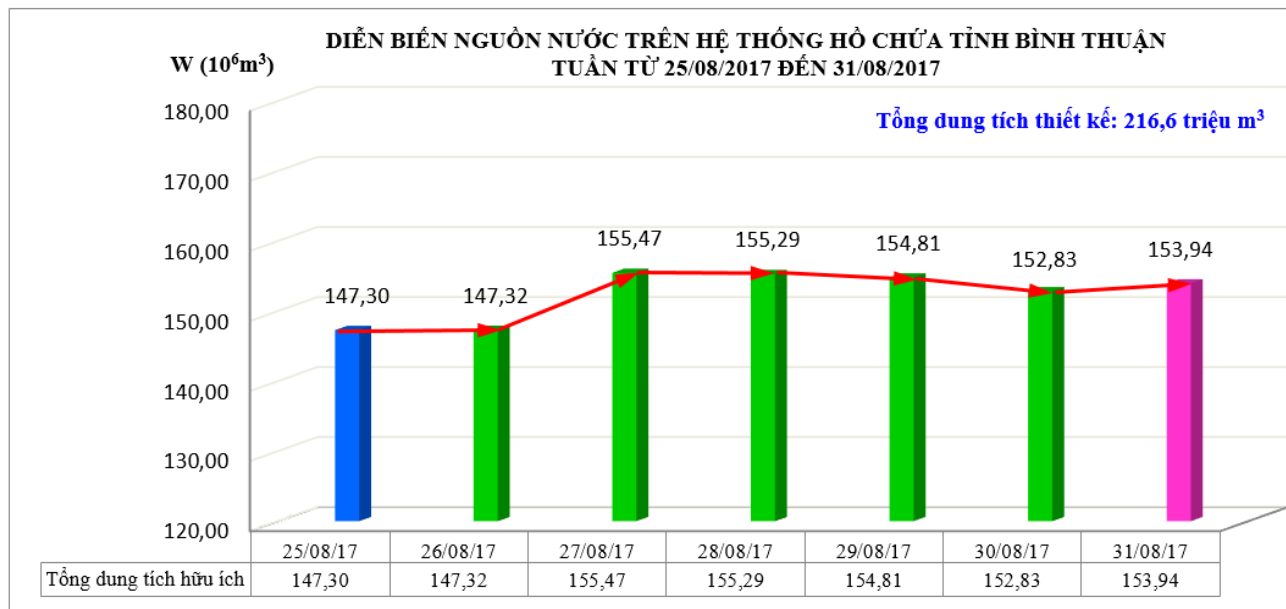
### DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN LƯU VỰC SÔNG LỮY - SÔNG LA NGÀ TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2017

(Tuần từ 01/09/2017 đến 07/09/2017)

#### 1. KIỂM KÊ THỰC TRẠNG NGUỒN NƯỚC TRÊN HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH BÌNH THUẬN

##### 1.1. Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập từ ngày 25/08/2017 – 31/08/2017

Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi tỉnh Bình Thuận từ ngày 25/08/2017 đến 31/08/2017 được trình bày tại Hình 1. Kết quả cho thấy tổng lượng nước trong các hồ/ đập trên địa bàn tỉnh tuần qua có chiều hướng tăng. Đầu tuần qua, do có lượng mưa cả trong và ngoài tỉnh về bổ sung khiến tổng dung tích các hồ/ đập của tỉnh Bình Thuận tăng mạnh. Tuy nhiên từ giữa tuần trở đi, lượng mưa ít dần đến không mưa khiến tổng dung tích các hồ có xu hướng giảm nhẹ. Tổng lượng tăng của tuần qua là 6,64 triệu m<sup>3</sup> trong đó mức tăng bình quân là 1,11 triệu m<sup>3</sup>/ngày thay vì mức giảm 0,8 triệu m<sup>3</sup>/ngày của tuần trước.



Hình 1: Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập tỉnh Bình Thuận từ 25/08 - 31/08/2017

##### 1.2. Kiểm kê thực trạng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 31/08/2017

###### 1.2.1. Nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi

Tính đến ngày 31/08/2017 tổng dung tích hữu ích của 16 hồ/ đập lớn trên địa bàn

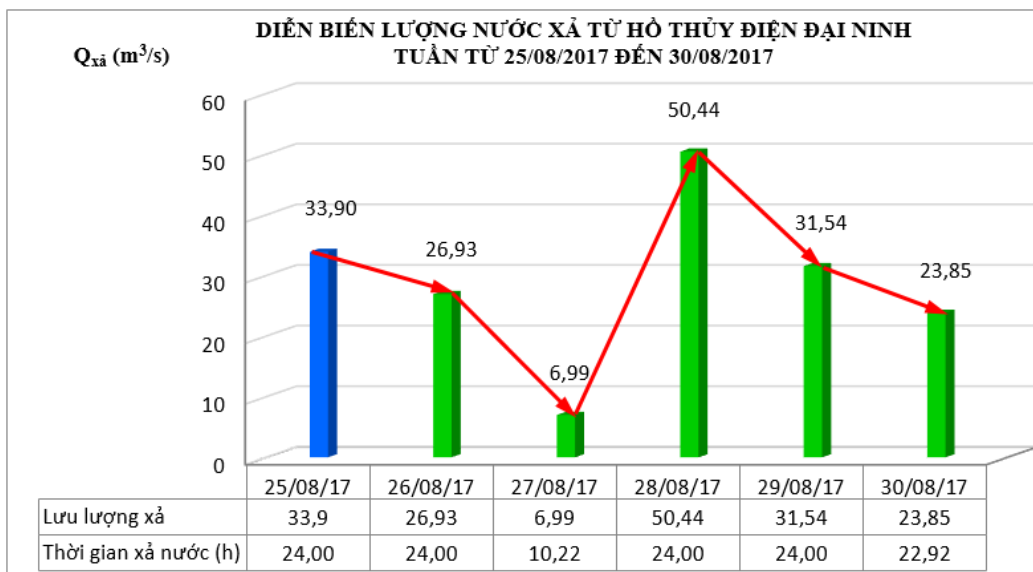
tỉnh Bình Thuận là 153,94 triệu m<sup>3</sup>, đạt 71,08% so với tổng dung tích hữu ích thiết kế. Dung tích các hồ về tổng thể chung thì tăng tuy nhiên có một số hồ/ đập dung tích giảm mạnh so với đầu tuần như hồ Cà Giây, Trà Tân và đập Sông Phan. Hồ/đập có tỉ lệ dung tích hữu ích thấp nhất là đập Sông Phan với tỉ lệ là 26,07% so với dung tích thiết kế. Hồ có tỉ lệ cao nhất là hồ Trà Tân với 106,833% dung tích thiết kế. Hiện tại 2 hồ có dung tích hữu ích thiết kế lớn trên địa bàn tỉnh là hồ Cà Giây, hồ Lòng Sông tính đến thời điểm hiện nay còn khá nhiều nước (Dung tích hiện tại lớn hơn 80% so với dung tích thiết kế).

Bảng 1: Tổng hợp dung tích các hồ, đập tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 31/08/2017

STT	Tên các Hồ chứa/ đập dâng	DUNG TÍCH (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )						Tỷ lệ dung tích hữu ích hiện tại so với thiết kế
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích thiết kế	Hữu ích hiện tại	
1	Đá Bạc	4,074	4,87	9,718	0,392	4,478	3,682	82,22%
2	Lòng Sông	31,678	37,16	40,271	3,464	33,696	28,214	83,73%
3	Cà Giây	32,631	36,921	63,209	8,409	28,512	24,222	84,95%
4	Sông Khán	1,733	2,014	2,52	0,261	1,753	1,472	83,97%
5	Sông Quao	46,650	73	80	5,7	67,3	40,950	60,85%
6	Suối Đá	5,985	9,131	12,786	1,273	7,858	4,712	59,96%
7	Cấm Hàng	0,761	1,18	1,215	0,013	1,167	0,748	64,10%
8	Sông Móng	26,562	37,156	51,515	2,985	34,171	23,577	69,00%
9	Ba Bàu	3,113	6,938	11,403	0,964	5,974	2,149	35,97%
10	Đu Đù	3,095	3,664	5,217	0,297	3,367	2,798	83,10%
11	Tân Lập	1,063	1,07	1,52	0,07	1	0,993	99,30%
12	Tà Mon	0,381	0,657	0,72	0,05	0,607	0,331	54,53%
13	Núi Đất	8,848	8,466	9,648	0,566	7,9	8,282	104,84%
14	Trà Tân	4,126	3,888	8,333	0,403	3,485	3,723	106,83%
15	Sông Phan	0,915	3,022	3,579	0,172	2,85	0,743	26,07%
16	Phan Dũng	8,577	13,674	18,925	1,233	12,441	7,344	59,03%
<b>Tổng Cộng</b>		<b>180,192</b>	<b>242,811</b>	<b>320,579</b>	<b>26,252</b>	<b>216,559</b>	<b>153,940</b>	<b>71,08%</b>

### 1.2.2. Nguồn nước thủy điện

Đến ngày 31/08/2017, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Đại Ninh là 223,6 triệu m<sup>3</sup>/251,7 triệu m<sup>3</sup>, đạt 88,82 % so với dung tích hữu ích thiết kế, giảm 3,69 triệu m<sup>3</sup> so với đầu tuần (ngày 25/08/2017).



Hình 2: Diễn biến lượng nước xả từ hồ Thủy điện Đại Ninh từ ngày 25/08/2017 đến 30/08/2017

Tính đến ngày 31/08/2017, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Hàm Thuận là 262,62 triệu m<sup>3</sup>/ 522,5 triệu m<sup>3</sup>, đạt 50,26 % so với dung tích hữu ích thiết kế, tăng 14,22 triệu m<sup>3</sup> so với đầu tuần (ngày 25/08/2017).

Bảng 2: Dung tích hồ chứa thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận tính đến ngày 31/08/2017

Stt	Tên các Hồ chứa	DUNG TÍCH (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )						Tỷ lệ dung tích hiện tại
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích Thiết kế	Hữu ích Hiện tại	
1	<b><u>Đại Ninh</u></b>	<b>291,636</b>	319,770	549,820	68,040	251,730	<b>223,596</b>	<b>88,82%</b>
2	<b><u>Hàm Thuận</u></b>	<b>435,352</b>	695,230	976,650	172,730	522,500	<b>262,622</b>	<b>50,26%</b>
<b>Tổng Cộng</b>		<b>726,988</b>	<b>1.015,000</b>	<b>1,526,470</b>	<b>240,770</b>	<b>774,230</b>	<b>486,218</b>	<b>62,80%</b>

## 2. DỰ BÁO TÌNH HÌNH MƯA VÀ NGUỒN NƯỚC

### 2.1. Tài liệu dự báo

Tài liệu mưa ngày, khí tượng, thủy văn của các trạm chính trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (các trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân, Cà Ná) từ năm 1978-2016;

Tài liệu dự báo mưa, bốc hơi tại trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân;

Tài liệu diện tích sản xuất thực tế và kế hoạch sản xuất của tỉnh Bình Thuận năm 2017. Lịch thời vụ các loại cây trồng;

Quy trình vận hành và quan hệ đặc tính lòng hồ F~Z~W của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận và các hồ thủy điện Đại Ninh, Hàm Thuận – Đa Mi;

Lượng xả dự kiến của các hồ thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

### 2.2. Công cụ dự báo

Trong dự báo này sử dụng 2 mô hình chính là : mô hình thủy văn MIKE NAM và mô hình cân bằng nước MIKE BASIN đã được hiệu chỉnh và kiểm định.

- Sử dụng mô hình NAM để tính toán dòng chảy mặt trên các lưu vực sông;
- Sử dụng mô hình MIKE BASIN để tính toán khả năng nguồn nước các lưu vực sông tỉnh Bình Thuận theo không gian và thời gian.

### 2.3. Dự báo tình hình khí tượng, thủy văn khu vực tỉnh Bình Thuận

Dự báo KTTV tháng 09/2017	Dự báo KTTV tuần 1 - tháng 09/2017
<p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <p>- Dự báo thời tiết trong nửa đầu tháng: đêm và chiều tối có mưa rào và dông vài nơi, có ngày có mưa rào và dông rải rác; thời kỳ nửa cuối tháng có mưa rào và dông rải rác đến nhiều nơi - một số nơi đạt lượng mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to. Dự báo lượng mưa tháng 09/2017 đạt mức thấp hơn đến xấp xỉ TBNN; cụ thể: Khu vực phía Bắc tỉnh 80 - 120mm, có nơi 50</p>	<p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <p>- Dự báo thời tiết tuần tới: mây thay đổi đến nhiều mây, thời kỳ đầu có mưa rào rải rác, có nơi mưa vừa đến mưa to và dông; thời kỳ giữa và cuối tuần có mưa rào và dông vài nơi. Dự báo lượng mưa tuần tới phổ biến đạt thấp hơn đến xấp xỉ TBNN; cụ thể: Khu vực phía Bắc tỉnh 30-50mm với 4-6 ngày mưa. Khu vực</p>

– 80mm; với 12 - 15 ngày mưa. Khu vực trung tâm và phía Nam tỉnh 150 - 250mm, có nơi 250 - 350mm; với 17 - 20 ngày mưa. Khu vực vùng núi phía Tây và Tây Nam: 350 - 450mm; với 23 - 25 ngày mưa.

- Tổng số giờ nắng: 200 – 220 giờ, tổng lượng bốc hơi: 110 - 130mm.

**b. Thủy văn:**

- Mức nước trên sông La Ngà tại trạm Tà Pao đạt giá trị thấp hơn đến xấp xỉ TBNN, trên sông Lũy tại trạm Sông Lũy đạt giá trị xấp xỉ đến cao hơn TBNN.

+ Tà Pao: Htb = 117,50m; Hmax = 119,00m; Hmin = 116,00m.

+ Sông Lũy: Htb = 24,40m; Hmax = 26,00m; Hmin = 23,50m.

trung tâm và phía Nam tỉnh 50-80mm, có nơi 80-120mm với 5-7 ngày mưa. Khu vực vùng núi phía Tây và Tây Nam: 100-150mm với 7-9 ngày mưa.

- Tổng số giờ nắng: 60 – 70 giờ, tổng lượng bốc hơi: 30 - 40mm.

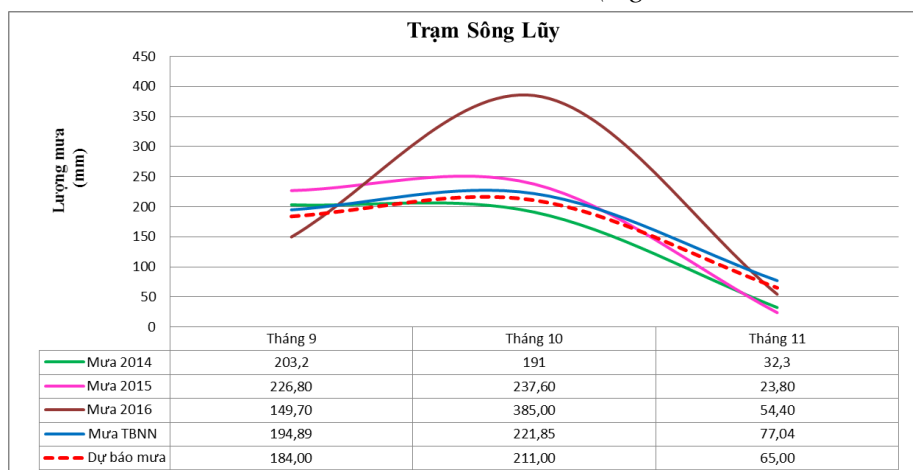
**b. Thủy văn:**

- Mức nước tại trạm Tà Pao đạt giá trị thấp hơn TBNN, trên sông Lũy tại trạm Sông Lũy đạt giá trị xấp xỉ đến cao hơn TBNN

+Tà Pao: Htb=117,20m; Hmax = 119,50m; Hmin = 116,00m.

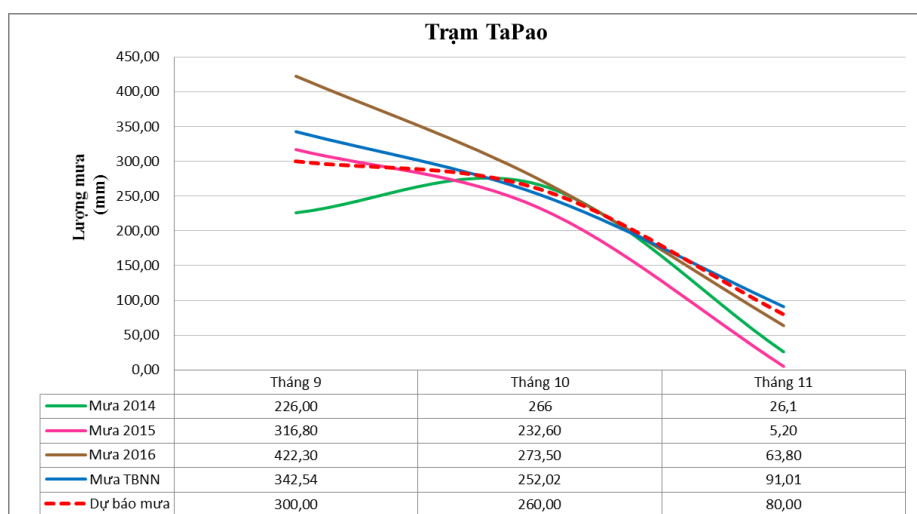
+ Sông Lũy: Htb = 24,30m; Hmax = 25,00m; Hmin = 24,00m

(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)



(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)

Hình 3: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa vụ Mùa tại trạm Sông Lũy



(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)

Hình 4: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa vụ Mùa tại trạm Tà Pao

## 2.4. Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập thủy lợi vụ Mùa năm 2017 tỉnh Bình Thuận

Bảng 3: Kết quả dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Mùa (tháng 9 đến tháng 11) năm 2017 tỉnh Bình Thuận

TT	LV Sông/ Hồ	Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ/ đập vụ Mùa năm 2017 (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )			
		Tháng 9 (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )	Tháng 10 (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )	Tháng 11 (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )	Tổng cộng (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )
1	Hồ Đá Bạc	2,100	3,348	0,804	6,251
2	Hồ Phan Dũng	8,605	7,901	3,758	20,265
3	Hồ Lòng Sông	5,702	13,312	8,580	27,594
4	Đập Sông Lũy	73,094	68,862	20,295	162,251
5	Hồ Cà Giây	13,919	17,061	13,297	44,277
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn,...	31,182	70,844	15,993	118,018
7	Hồ Sông Quao	36,262	32,087	13,504	81,854
8	Hồ Suối Đá	7,102	7,446	4,199	18,747
9	Hồ Sông Khán	1,192	0,509	0,207	1,909
10	Hồ Cà Giang	3,059	1,527	0,441	5,026
11	Hồ Cẩm Hang	3,732	1,875	0,570	6,178
12	Hồ Sông Móng	16,356	7,982	2,359	26,696
13	Đập Ba Bàu	13,660	8,758	3,655	26,073
14	Hồ Đu Đủ	3,084	1,821	0,544	5,450
15	Đập Sông Phan	12,779	20,275	14,774	47,828
16	Hồ Tân Lập	2,411	1,420	0,752	4,582
17	Hồ Tà Mon	2,877	4,500	1,840	9,217
18	Hồ Núi Đất	2,385	2,732	0,726	5,842
19	Hồ Sông Dinh	71,617	52,229	64,204	188,050
20	Đập Cô Kiều	2,255	2,062	0,933	5,251
21	Sông La Ngà (tới đập Tà Pao)	190,745	96,985	46,708	334,438
22	Hồ Trà Tân	7,569	6,080	2,255	15,904
<b>Tổng cộng</b>					<b>1161,700</b>

Dự kiến lượng nước xả vụ Mùa của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận - Đa Mi như sau:

Bảng 4: Dự kiến lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi

Thủy điện		Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tổng (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )
Đại Ninh	Lưu lượng Q <sub>bq</sub> ngày (m <sup>3</sup> /s)	6	3	14	59,88
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	9	7	13	
Hàm Thuận - Đa Mi	Lưu lượng Q <sub>bq</sub> ngày (m <sup>3</sup> /s)	11	10	21	109,73
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	9	9	12	

(Nguồn: Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Bình Thuận)

### 3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Kết quả tính toán nhu cầu nước vụ Mùa được trình bày tại Bảng 5, kết quả cho thấy: Tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng vụ Mùa đến tháng 11/2017 là 363,91 triệu m<sup>3</sup>.

Bảng 5: Bảng tổng hợp nhu cầu nước tại đầu mỗi các công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận theo kế hoạch sản xuất vụ Mùa năm 2017

TT	LV Sông, hồ	Vụ Mùa 2017							
		Kế hoạch diện tích sản xuất vụ Mùa (ha)				Nhu cầu nước vụ Mùa (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )			
		Lúa	Cây màu (Ngô, đậu, mè,...)	Thanh Long	Thủy sản	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tổng
<b>Tổng cộng</b>		<b>31.486,63</b>	<b>11.500,00</b>	<b>14.736,00</b>	<b>497,00</b>	<b>113,23</b>	<b>140,11</b>	<b>110,57</b>	<b>363,91</b>
1	Hồ Đá Bạc	271,38	66,55	54	-	0,99	0,78	0,59	<b>2,35</b>
2	Hồ Phan Dũng	123,99	133,11	108	-	0,68	0,64	0,50	<b>1,82</b>
3	Hồ Lòng Sông	3.061,74	240,34	195	79,00	6,09	3,32	1,50	<b>10,91</b>
4	Đập Sông Lũy	6.321,93	1.445,65	294	-	24,42	26,14	21,52	<b>72,07</b>
5	Hồ Cà Giây	1.397,43	1.947,20	396	-	7,39	9,44	6,95	<b>23,78</b>
6	Đập Đồng Mới, Đồng Măng, Tú Sơn...	1.017,84	1.357	276	-	6,46	7,93	6,13	<b>20,52</b>
7	Hồ Sông Quao	6.368,51	1.458,97	6.622,06	-	33,56	40,67	38,14	<b>112,37</b>
8	Hồ Suối Đá	234,98	103,54	469,95	-	1,15	1,48	1,40	<b>4,03</b>
9	Hồ Sông Khán	73,99	7,49	34	-	0,25	0,32	0,28	<b>0,85</b>
10	Hồ Sông Móng	-	5,32	177,27	-	0,27	0,24	0,10	<b>0,61</b>
11	Đập Ba Bàu	725,16	108,81	3.625,10	-	4,25	6,28	2,85	<b>13,38</b>
12	Hồ Đu Đủ	96,84	29,52	983,63	-	1,13	1,33	0,48	<b>2,94</b>
13	Đập Sông Phan	1	18,08	602,33	-	0,82	0,73	0,24	<b>1,79</b>
14	Hồ Tân Lập	-	14,16	471,82	-	0,54	0,46	0,09	<b>1,09</b>
15	Hồ Tà Mon	-	4,11	136,84	-	0,16	0,13	0,03	<b>0,32</b>
16	Hồ Núi Đất	430	350	226	-	0,84	2,29	1,85	<b>4,98</b>
17	Hồ Sông Dinh	417	2.720	64	-	1,89	4,36	5,71	<b>11,95</b>
18	Đập Cô Kiều	40	-	-	-	0,04	0,19	0,15	<b>0,38</b>
19	Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao)	10.821,00	690	-	418,00	21,15	32,03	21,03	<b>74,21</b>
20	Hồ Trà Tân	83,83	800	-	-	1,17	1,35	1,04	<b>3,56</b>

### 4. DỰ BÁO KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ MÙA NĂM 2017

#### 4.1. Dự báo nguồn nước trong các hồ/đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tuần từ 01/09/2017 đến 07/09/2017

Dự báo nguồn nước trong hệ thống các hồ, đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến ngày 07/09/2017 được trình bày tại Bảng 6, kết quả cho thấy: Dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh có xu hướng tăng, tổng dung tích hữu ích đạt 156,21 triệu m<sup>3</sup> (chiếm 72,13% so với dung tích thiết kế), tăng 2,27 triệu m<sup>3</sup> so với thời điểm hiện tại (ngày 31/08/2017).

Bảng 6: Kết quả dự báo nguồn nước trong các hồ/đập công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận đến ngày 07/09/2017

TT	Hồ chứa	Cao trình mực nước bình thường (m)	Dung tích hữu ích thiết kế ( $10^6 m^3$ )	Nguồn nước hiện tại 31/08/2017			Dự kiến nguồn nước đến 07/09/2017		
				Cao trình mực nước hiện tại (m)	Dung tích hữu ích ( $10^6 m^3$ )	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến ngày 31/08/2017 so với thiết kế	Cao trình mực nước (m)	Dung tích hữu ích ( $10^6 m^3$ )	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến 07/09/2017 so với thiết kế
1	Hồ Đá Bạc	31,01	4,478	30,40	3,682	82,22%	30,45	▲ 3,746	83,66%
2	Hồ Lòng Sông	76,95	33,696	74,53	28,214	83,73%	74,50	▼ 28,149	83,54%
3	Hồ Cà Giây	74,7	28,512	73,82	24,222	84,95%	73,69	▼ 23,580	82,70%
4	Hồ Sông Khán	106,95	1,753	106,35	1,472	83,97%	106,87	▲ 1,715	97,85%
5	Hồ Sông Quao	89	67,3	84,23	40,950	60,85%	84,66	▲ 43,100	64,04%
6	Hồ Suối Đá	47	7,858	45,94	4,712	59,96%	45,60	▼ 3,983	50,69%
7	Hồ Cẩm Hàng	25	1,167	24,21	0,748	64,10%	24,39	▲ 0,844	72,30%
8	Hồ Sông Móng	75,8	34,171	73,62	23,577	69,00%	73,76	▲ 24,191	70,79%
9	Đập Ba Bàu	42	5,974	40,40	2,149	35,97%	40,59	▲ 2,500	41,85%
10	Hồ Đu Đủ	61	3,367	60,47	2,798	83,10%	60,31	▼ 2,641	78,43%
11	Hồ Tân Lập	44	1	43,98	0,993	99,30%	43,96	▼ 0,986	98,56%
12	Hồ Tà Mon	46,5	0,607	45,03	0,331	54,53%	45,03	■ 0,331	54,46%
13	Hồ Núi Đất	23,5	7,9	23,68	8,282	104,84%	23,85	▲ 8,643	109,40%
14	Hồ Trà Tân	95	3,485	95,08	3,723	106,83%	95,09	▲ 3,753	107,68%
15	Đập Sông Phan	70	2,85	64,75	0,743	26,07%	64,46	▼ 0,660	23,15%
16	Hồ Phan Dũng	206,4	12,441	203,85	7,344	59,03%	203,88	▲ 7,394	59,43%
	<b>Tổng</b>		<b>216,559</b>		<b>153,940</b>	<b>71,08%</b>		<b>156,21</b>	<b>72,13%</b>

Ghi chú: ▲ ▼ ■ Dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với hiện tại

#### 4.2. Dự báo khả năng cấp nước vụ Mùa 2017

Với kế hoạch sản xuất và dự báo nguồn nước vụ Mùa đã tính ở trên, dự báo đến 07/09/2017 sẽ có:

- + 19/19 hồ/đập thủy lợi có khả năng đảm bảo cấp nước cho vụ Mùa (xem Bảng 7): đập Ba Bàu, hồ Cà Giây, Hệ thống đập Đồng Mới..., hồ Sông Quao, hồ Suối Đá, hồ Sông Khán, hồ Sông Móng, đập Sông Phan, hồ Sông Dinh, Sông La Ngà (tới đập Tà Pao), hồ Sông Khán, hồ Phan Dũng, hồ Lòng Sông, hồ Tà Mon, hồ Tân Lập, hồ Trà Tân, đập Sông Lũy, hồ Núi Đất, hồ Đu Đủ.

Kết quả dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu nước của các hồ chứa, đập dâng vụ Mùa 2017 được tổng hợp trong Bảng 7.

Bảng 7: Bảng tổng hợp dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vụ Mùa tỉnh Bình Thuận năm 2017

TT	LV Hồ, Đập	Dự báo khả năng cấp nước vụ Mùa					Khả năng cấp nước tưới vụ Mùa năm 2017
		Lượng nước thiếu ( $10^6 m^3$ )				Tổng	
		Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tổng		
1	Hồ Đá Bạc	0	0	0	0	100%	
2	Hồ Phan Dũng	0	0	0	0	100%	
3	Hồ Lòng Sông	0	0	0	0	100%	
4	Đập Sông Lũy	0	0	0	0	100%	

5	Hồ Cà Giây	0	0	0	0	<b>100%</b>
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn...	0	0	0	0	<b>100%</b>
7	Hồ Sông Quao	0	0	0	0	<b>100%</b>
8	Hồ Suối Đá	0	0	0	0	<b>100%</b>
9	Hồ Sông Khán	0	0	0	0	<b>100%</b>
10	Hồ Sông Móng	0	0	0	0	<b>100%</b>
11	Đập Ba Bàu	0	0	0	0	<b>100%</b>
12	Hồ Đu Đủ	0	0	0	0	<b>100%</b>
13	Đập Sông Phan	0	0	0	0	<b>100%</b>
14	Hồ Tân Lập	0	0	0	0	<b>100%</b>
15	Hồ Tà Mon	0	0	0	0	<b>100%</b>
16	Hồ Núi Đất	0	0	0	0	<b>100%</b>
17	Hồ Sông Dinh	0	0	0	0	<b>100%</b>
18	Sông La Ngà ( Tới Đập Tà Pao)	0	0	0	0	<b>100%</b>
19	Hồ Trà Tân	0	0	0	0	<b>100%</b>
<b>Tổng</b>					<b>0</b>	

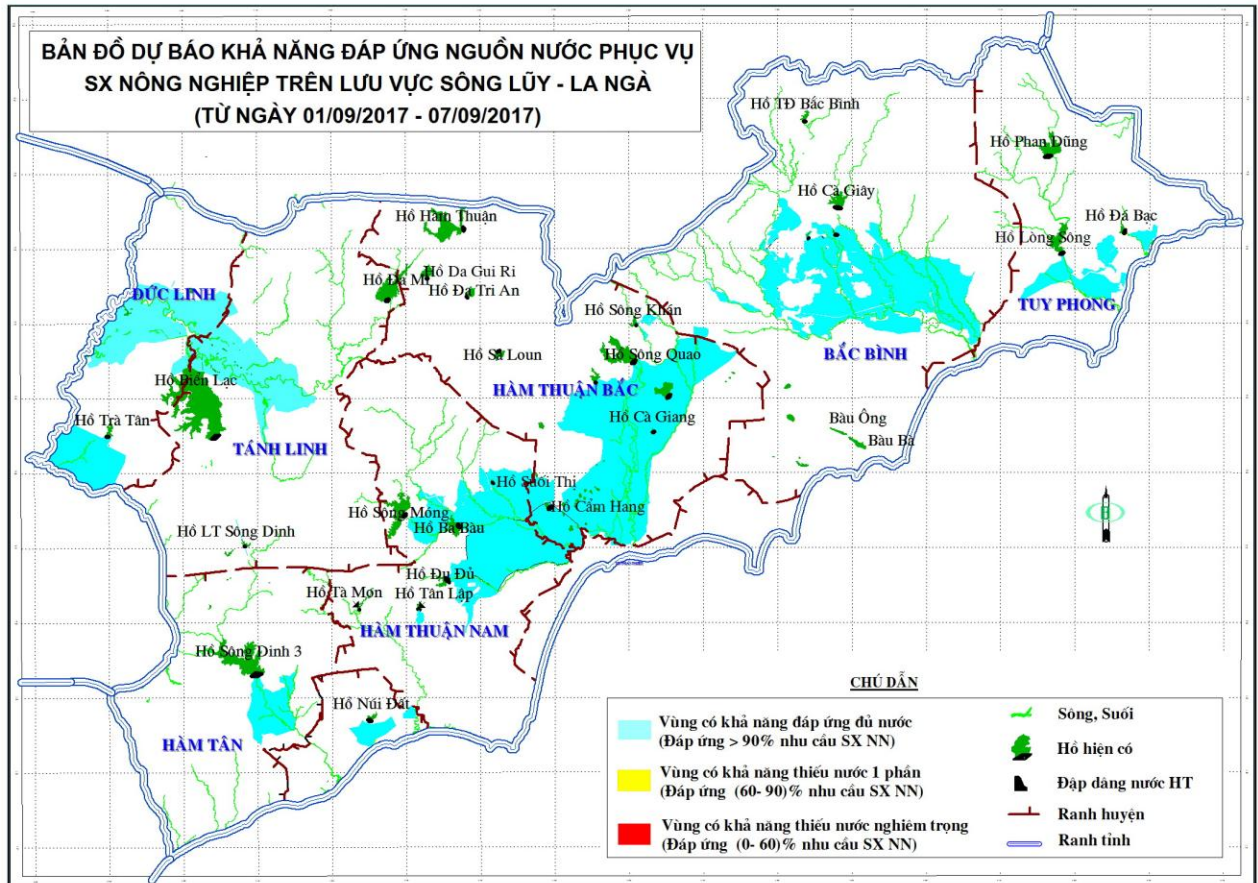
### **Kết luận - Kiến nghị:**

Trên cơ sở kết quả kiểm kê nguồn nước hiện có của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận, địa phương cần: Cập nhật thường xuyên tình hình KTTV, diễn biến mưa và nguồn nước các hồ để có kế hoạch chăm sóc tốt nhất cho cây trồng vụ Mùa; Tiếp tục theo dõi lưu lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 07/09/2017 cho thấy tổng dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 156,21 triệu m<sup>3</sup> (chiếm 72,13% so với dung tích thiết kế), như vậy về cơ bản các vùng/khu vực trên địa bàn tỉnh dự báo từ ngày 01/09/2017 đến ngày 07/09/2017 đều có khả năng đáp ứng đủ nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp. Dưới đây là kiến nghị kế hoạch sử dụng nước tại một số hồ chứa thủy lợi trong tỉnh Bình Thuận đến ngày 07/09/2017 như sau:

- Hồ Lòng Sông có 28,15 triệu m<sup>3</sup>, hồ Phan Dũng có 7,39 triệu m<sup>3</sup>, hồ Đá Bạc 3,75 triệu m<sup>3</sup>: Sử dụng nguồn nước hiện có trong các hồ này để cấp đủ nước tưới cho lúa, cây trồng vụ Mùa;
- Hồ Cà Giây có 23,58 triệu m<sup>3</sup>, hồ Sông Quao có 43,1 triệu m<sup>3</sup>: có thể tận dụng nguồn nước thủy điện Đại Ninh, lượng nước trữ trong hồ để cấp đủ nước tưới cho lúa và cây trồng vụ Mùa;
- Hồ Sông Móng có 24,19 triệu m<sup>3</sup>, đập Ba Bàu có 2,5 triệu m<sup>3</sup>, hồ Tà Mon có 0,33 triệu m<sup>3</sup>, hồ Đu Đủ có 2,64 triệu m<sup>3</sup>, hồ Tân Lập có 0,99 triệu m<sup>3</sup>, hồ Núi Đất có 8,64 triệu m<sup>3</sup>, có thể sử dụng nguồn nước trong các hồ để cấp đủ nước cho lúa, cây trồng vụ Mùa;
- Nguồn nước tại Đập Tà Pao (sau nhà máy thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi) cấp đủ

nước sản xuất vụ Mùa theo kế hoạch 2017.



Hình 5: Bản đồ dự báo nguồn nước và khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên lưu vực sông Lữ – sông La Ngà tỉnh Bình Thuận từ ngày 01/09/2017 đến ngày 07/09/2017

*Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, 31/08/2017*

*(Ghi chú: Bản tin này sẽ được Viện tiếp tục cập nhật trong các tuần kế tiếp. Để phục vụ kịp thời, chủ động kiểm soát nguồn nước cho sản xuất vụ Mùa, kính đề nghị địa phương, các đơn vị sử dụng nếu có ý kiến, đề nghị phản hồi lại Tổng cục Thủy lợi (Vụ Quản lý Công trình và ATĐ) để cập nhật trong các bản tin tiếp theo).*

*Bản tin này cũng được đăng trên địa chỉ Website : <http://www.siwrr.org.vn> . Các thông tin về tình hình nguồn nước, sản xuất và những yêu cầu cấp thiết khác xin gửi về Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam qua địa chỉ email: [vkhtlmn@gmail.com](mailto:vkhtlmn@gmail.com) và [tncnbvmt@gmail.com](mailto:tncnbvmt@gmail.com) ./.*